

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HỒNG BÀNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 23-01-2025  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Quỳnh Như

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Ngọc Hải;
- Ông Nguyễn Minh Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 ngày 11 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 27/51 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 27/51 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:*

Chị Trần Thị L va anh Bùi Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hạ Lý (nay là phường Thượng Lý), quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ngày 01/6/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, đến nay chị H và anh Lập đã sống ly thân, mỗi người một việc, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn H.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là cháu Bùi Văn H1, sinh ngày 20/6/2000; Bùi Văn H2, sinh ngày 25/6/2011 và cháu Bùi Yên Nh, sinh ngày 13/7/2012. Đối với cháu Bùi Văn H1, đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao hai con là Bùi Văn H2 và Bùi Yên Nh cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay các cháu được chị chăm sóc, học hành. Anh H không làm ăn gì, nghiện ngập nên không có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi các con.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị đề nghị tự thỏa thuận với anh H, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L đề nghị tự thỏa thuận với anh H, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn là anh Bùi Văn H:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh; mặt khác, anh H cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh H đều vắng mặt.

- *Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:* Chị L và anh H là vợ chồng, quá trình chung sống có mâu thuẫn gì thì địa phương không nắm được. Nay chị H có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có ba con chung, đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Về tài sản chung: Địa phương không nắm được anh chị có những tài sản chung gì.

*Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của chị Trần Thị L, xử chị L được ly hôn anh Bùi Văn H. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Bùi Văn H2, sinh ngày 25/6/2011 và cháu Bùi Yến Nh, sinh ngày 13/7/2012 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đối với cháu Bùi Văn H1, sinh năm 2000, đến nay đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động, chị L không đề nghị nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L đề nghị tự thỏa thuận với anh H nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn là anh Bùi Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Bùi Văn H vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Bùi Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hạ Lý (nay là phường Thượng Lý), quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày 01/6/2007 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H đến Tòa án để lấy lời khai về việc chị L có đơn xin ly hôn, nhưng anh H không hợp tác, cũng không có văn bản thể hiện quan điểm của mình. Không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, H giải và không có mặt tại phiên tòa. Điều này thể hiện anh H không có ý thức hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Bùi Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị L và anh H có ba con chung là cháu Bùi Văn H1, sinh ngày 20/6/2000; Bùi Văn H2, sinh ngày 25/6/2011 và cháu Bùi Yến Nh, sinh ngày 13/7/2012. Xét cháu H1 đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động, chị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với

cháu H2 và cháu Nh, hiện nay các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Mặt khác, anh H không có lời khai thể hiện quan điểm về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Văn H2, sinh ngày 25/6/2011 và cháu Bùi Yên Nh, sinh ngày 13/7/2012 cho chị Trần Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L xác nhận chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị L xác nhận chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Văn H2, sinh ngày 25/6/2011 và cháu Bùi Yên Nh, sinh ngày 13/7/2012 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Việc nuôi con chung của chị L được thực hiện cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đối với con chung là cháu Bùi Văn H1, sinh ngày 20/6/2000, hiện nay cháu H1 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động, chị L không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị L và anh Bùi Văn H tự thỏa thuận, không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị L và anh Bùi Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị L được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0002619 ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chị đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L và anh Bùi Văn H (vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Minh Toàn    Trần Ngọc Hải**

**Trần Thị Quỳnh Như**

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- UBND phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Quỳnh Như**











